TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương**.
2. Ông **Lê Văn Hạnh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Ông **Huỳnh Quốc Trung** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Chị **Huỳnh Thị Như Thảo -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐST – HN ngày 29 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Yến Nh**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: L, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn**: Anh **Trần Thanh D**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: L, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Yến Nh trình bày:**

Chị Nguyễn Yến Nh và anh Trần Thanh D tự nguyện sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 27/11/2008. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì có mâu thuẩn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng sau đó hàn gắn lại được, vợ chồng sống chung đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẩn trầm trọng do anh D không quan tâm đến vợ con, thiếu sự tôn trọng và quan tâm chia sẻ trong gia đình, vợ chồng không nói chuyện với nhau, anh D muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi không bao giờ nói với vợ con để chị Nhi một mình gánh vác lo kinh tế nuôi con. Anh chị đã tự ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2009 và cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2011 hiện nay các cháu do mẹ chăm sóc. Chị Nh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H và cháu Trần Ngọc Gia H theo nguyện vọng của các cháu. Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Thanh D, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Trần Thanh D dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Yến Nh được ly hôn với anh Trần Thanh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2009 và cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2011. Chị Nh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H và cháu Trần Ngọc Gia H theo nguyện vọng của các cháu. Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Thanh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Yến Nh trình bày chị và anh Trần Thanh D không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Yến Nh là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn anh Trần Thanh D cư trú tại số L, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn anh Trần Thanh D vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Yến Nh và anh Trần Thanh D tự nguyện sống chung từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 27/11/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Yến Nh và anh Trần Thanh D là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D không quan tâm đến vợ con, thiếu sự tôn trọng và quan tâm chia sẻ trong gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Nguyễn Yến Nh và anh Trần Thanh D không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã tự ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do vậy chị Nguyễn Yến Nh yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh D là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Yến Nh là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2009 và cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2011. Chị Nguyễn Yến Nh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H và cháu Trần Ngọc Gia H theo nguyện vọng của các cháu. Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Yêu cầu của chị Nguyễn Yến Nh là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Yến Nh trình bày chị và anh Trần Thanh D không có tài sản chung và nợ chung. Anh Trần Thanh D không đến tham dự phiên tòa và không gởi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tài sản chung và nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Yến Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Yến Nh.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Yến Nh được ly hôn với anh Trần Thanh D.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2009 và Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 19/11/2011. Chị Nguyễn Yến Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H và cháu Trần Ngọc Gia H theo nguyện vọng của các cháu. Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền nầy.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Yến Nh trình bày chị Nh và anh Trần Thanh D không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Yến Nh phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0023586 ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- VKSND. TP M, Tiền Giang;
- Chi cục THADS. TP M Tiền Giang;
- UBND xã K, H C, Tiền Giang;
- Các đương sự;